

Dịch vụ Hệ sinh thái rừng Việt Nam

Từ lý thuyết đến thực tiễn tại 17 tỉnh Trung du
miền núi phía Bắc

Phạm Thu Thủy
Trần Ngọc Mỹ Hoa
Hoàng Tuấn Long
Nguyễn Quang Tân
Nguyễn Thị Thủy Anh
Nguyễn Thị Vân Anh
Trần Yến Ly



RESEARCH
PROGRAM ON
Forests, Trees and
Agroforestry

Dịch vụ Hệ sinh thái rừng Việt Nam

Từ lý thuyết đến thực tiễn tại 17 tỉnh Trung du miền núi phía Bắc

Phạm Thu Thủy

Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)

Trần Ngọc Mỹ Hoa

CIFOR

Hoàng Tuấn Long

CIFOR

Nguyễn Quang Tân

Tổ chức Nghiên cứu Nông Lâm quốc tế (ICRAF)

Nguyễn Thị Thủy Anh

Học viện Ngoại Giao

Nguyễn Thị Vân Anh

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội

Trần Yến Ly

Đại học Quốc Gia Hà Nội

Báo cáo kỹ thuật 274

© 2021 Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phái sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

DOI: 10.17528/cifor/008254

Phạm TT, Trần NMH, Hoàng TL, Nguyễn QT, Nguyễn TTA, Nguyễn TVA và Trần YL. 2021. *Dịch vụ Hệ sinh thái rừng Việt Nam: Từ lý thuyết đến thực tiễn tại 17 tỉnh Trung du miền núi phía Bắc*. Báo cáo kỹ thuật 274. Bogor, Indonesia: CIFOR.

CIFOR

Jl. CIFOR, Situ Gede
Bogor Barat 16115
Indonesia

T +62 (251) 8622-622

F +62 (251) 8622-100

E cifor@cgiar.org

cifor.org

Chúng tôi xin cảm ơn các nhà tài trợ đã hỗ trợ cho nghiên cứu này thông qua việc đóng góp vào quỹ của CGIAR. Xin xem danh sách các nhà tài trợ: <http://www.cgiar.org/about-us/our-funders/>

Tất cả các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả. Chúng không nhất thiết đại diện cho quan điểm của CIFOR, các cơ quan chủ quản của tác giả hay của các nhà tài trợ cho ấn phẩm này.

Mục lục

Lời cảm ơn	vi
Danh mục từ viết tắt	vii
1 Mở đầu	1
2 Vai trò của rừng và hệ sinh thái rừng	2
2.1 Tổng quan về Dịch vụ hệ sinh thái rừng	2
2.2 Giá trị của rừng và hệ sinh thái rừng đến kinh tế toàn cầu	4
2.3 Giá trị của rừng và hệ sinh thái đến xã hội và văn hóa	6
2.4 Giá trị của rừng và dịch vụ hệ sinh thái rừng đối với môi trường	9
2.5 Giá trị của rừng và dịch vụ hệ sinh thái rừng đối với an ninh quốc phòng	11
2.6 Đóng góp của Dịch vụ hệ sinh thái vào hệ thống tài khoản quốc gia	11
3 Xu hướng phát triển thế giới về rừng, hệ sinh thái rừng và ngành lâm nghiệp	13
3.1 Xu thế phát triển lâm nghiệp thế giới	13
3.2 Định giá về rừng và hệ sinh thái rừng và xây dựng các cơ chế tài chính để bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng	18
4 Tổng quan về định giá rừng, dịch vụ hệ sinh thái rừng tại Việt Nam và miền núi phía Bắc	23
4.1 Các chính sách liên quan đến định giá rừng tại Việt Nam	23
4.2 Thực trạng và tiềm năng phát triển kinh tế dưới tán rừng	28
5 Đề xuất	64
5.1 Định hướng cơ chế chính sách	64
5.2 Đề xuất cụ thể với một số chuỗi giá trị dịch vụ hệ sinh thái rừng chính của ngành lâm nghiệp Việt Nam	66
Tài liệu tham khảo	69

Danh mục bảng, hình và hộp

Bảng

1	4 nhóm dịch vụ hệ sinh thái rừng	2
2	Phương pháp định giá đa dạng sinh học	10
3	Khung đánh giá tổng giá trị của rừng	19
4	Các phương pháp định giá rừng DVMT	19
5	Thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện PES trên toàn cầu	22
6	Cơ chế vận hành PFES tại Việt Nam	24
7	Các cách phân loại chính đối với hệ thống và thực hành nông-lâm kết hợp	29
8	Các hệ thống nông-lâm kết hợp theo vùng sinh thái-nông nghiệp	30
9	Cách giá trị kinh tế từ LSNG	31
10	Diện tích một số nhóm loài LSNG chủ yếu ở Việt Nam	33
11	Một số mô hình thành công về LSGN ở 17 tỉnh miền núi phía Bắc	34
12	Du lịch sinh thái gắn với đặc điểm vùng miền	36
13	Mô hình DLST	39
14	Kết quả hoạt động DLST của một số khu rừng tại các tỉnh trung du miền núi phía Bắc	39
15	Loại hình du lịch sinh thái ở 17 tỉnh phía Bắc	40
16	Tổng phát thải thuần toàn quốc và theo các lĩnh vực 1994–2016 (tấn CO ₂ e)	46
17	Phát thải và hấp thụ trong lâm nghiệp giai đoạn 1995–2018	47
18	Tiềm năng giảm phát thải KNK so với kịch bản phát triển thông thường	47
19	Diện tích và tỷ lệ che phủ rừng theo vùng sinh thái năm 2020	48
20	Tiềm năng giảm phát thải của các phương án giảm nhẹ 2021–2030	
21	Tiềm năng giảm phát thải giai đoạn 2021–2030	49
22	Diện tích tiềm năng (ha) thực hiện các phương án giảm phát thải do Quốc gia tự thực hiện tại các tỉnh trung du miền núi phía Bắc	50
23	Diện tích tiềm năng (ha) thực hiện các phương án giảm phát theo khi có hỗ trợ quốc tế tại các tỉnh trung du miền núi phía Bắc	50
24	Tổng diện tích rừng đưa vào khai thác và dự kiến diện tích, sản lượng rừng trồng khai thác năm 2021 thuộc các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc	55
25	Chủ rừng là tổ chức phải xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững theo quy định của Luật Lâm nghiệp	56
26	Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ các tỉnh miền núi phía bắc năm 2020–2021	58
27	Tiềm năng, thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển ngành gỗ tại các tỉnh phía Bắc	58
28	Hệ động vật thực vật khu vực Tây Bắc	63

Hình

1	Khung phân loại hàng hóa liên quan các dịch vụ hệ sinh thái.	4
2	Mức lương của các ngành nghề lâm nghiệp tại US	15
3	Các ngành nghề cần chuyên môn lâm nghiệp đô thị	16
4	Ước tính % giá trị gián tiếp của rừng và tỷ lệ giá trị trong tổng giá trị kinh tế của rừng trên toàn cầu	20
5	Lịch sử phát triển PES trên toàn cầu	20
6	Các dịch vụ môi trường rừng chính đang được thương mại trên thế giới	21
7	Cơ chế thu tiền PES trên thế giới	21
8	Mức chi trả cho người cung ứng dịch vụ môi trường rừng	21
9	Giá trị trung bình của dịch vụ rừng ngập mặn tại Việt Nam	27
10	Dịch vụ môi trường của rừng ngập mặn tại Việt Nam	27
11	Người mua và người bán dịch vụ môi trường rừng tại Hải Phòng	28
12	Doanh thu từ DLST của 10 khu rừng có số lượng khách và doanh thu cao nhất, giai đoạn 2017–2020	38
13	Số lượng khách tới thăm 10 VQG có doanh thu từ DLST trên cả nước giai đoạn 2017–2020	38
14	Diện tích rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ rừng tính đến ngày 16/9/2021	57
15	Tổng số ban quản lý rừng đặc dụng và phòng hộ tại 17 tỉnh miền núi phía Bắc	63

Hộp

1	Giá trị kinh tế của rừng trên quy mô toàn cầu	5
2	Giá trị kinh tế của rừng tại một số quốc gia trên thế giới	6
3	Nguyên tắc định giá dịch vụ môi trường của Mỹ và EU	18
4	Thành tựu quan trọng của PFES	25
5	Thách thức với việc thực hiện PFES tại Việt Nam nói riêng và 17 tỉnh miền núi phía Bắc nói chung	26
6	Tiềm năng và vai trò của hệ sinh thái rừng đối với phát triển du lịch sinh thái	37
7	Thuận lợi đối với ngành gỗ	53
8	Khó khăn với ngành gỗ	54

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Cơ quan Hợp tác Phát triển Na Uy (NORAD) và Cơ quan phát triển Mỹ (USAID) đã hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu này. Nhóm tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn đã hướng dẫn, hỗ trợ và đóng góp ý kiến quý báu để nhóm nghiên cứu hoàn thiện báo cáo.

Danh mục từ viết tắt

Bộ NN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
BVPTR	Bảo vệ Phát triển rừng
DLST	Du lịch sinh thái
DVHST	Dịch vụ hệ sinh thái
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
OECD	Dịch vụ chi trả môi trường
PES	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
REDD+	REDD+
TCLN	Tổng cục Lâm nghiệp
UBND	Ủy Ban Nhân Dân

